BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1662 /QĐ-ĐHNT	*Khánh Hòa, ngày 30 tháng 12 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập và qui định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường Đại học;

Căn cứ Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Xét đề nghị của Ban Chế độ Trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung và điều chỉnh một số nội dung trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường Đại học Nha Trang, chi tiết trong bản đính kèm.

Điều 2. Các nội dung sửa đổi sẽ được cập nhật vào Quy chế Chi tiêu nội bộ ban hành theo Quyết định số 1179/QĐ-ĐHNT ngày 22/11/2017, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2020, và áp dụng đối với thanh toán giảng dạy năm học 2019-2020.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng Khoa, Phòng, Viện, Trung tâm, các đoàn thể và viên chức, người lao động của Trường Đại học Nha Trang chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Đảng ủy, CĐ Trường;
- Như điều 3
- Lưu VT, TCHC.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Trang Sĩ Trung

CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH QUY CHẾ CHI TIÊU NỘI BỘ 2017

(Kèm theo Quyết định số 1062/QĐ-ĐHNT ngày 30/12/2019)

1. *Bổ sung* phụ cấp trách nhiệm của Trợ lý sinh viên (Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh các khoa/viện có thêm vai trò là Trợ lý sinh viên) *(Khoản 2, Điều 5):*

- Đối với khoa/viện có từ 1.500 sinh viên trở lên: 0,4B/tháng
- Đối với khoa/viện có dưới 1.500 sinh viên: 0,3B/tháng

2. *Bổ sung* hỗ trợ viên chức trẻ có mức thu nhập thấp: đối với các viên chức có mức thu nhập dưới 6.000.000 đ/tháng, Trường hỗ trợ thêm để đủ mức 6.000.000 đ/tháng (không phân biệt trình độ đào tạo) *(Khoản 3, Điều 5).*

3. *Bổ sung* chế độ phụ cấp công vụ đối với viên chức khối hành chính mức 25%, thay cho phụ cấp ưu đãi 12% như hiện nay *(Khoản 3, Điều 5).*

4. Phụ cấp Lễ Tết *(Điều 6)*:

- *Điều chỉnh*: Ngày Truyền thống của Trường là ngày 01/8.
- *Bổ sung*: Lễ Khai giảng năm học: 500.000 đồng/người.

5. *Bổ sung* chế độ đối với các thành viên Hội đồng trường *(Điều 8)*

- Giảm 85% định mức giảng dạy và NCKH cho Chủ tịch Hội đồng trường (tương đương với Hiệu trưởng).
- Giảm định 75% mức giảng dạy và NCKH cho Thư ký Hội đồng trường (tương đương với Trưởng phòng).

6. *Bổ sung* thanh toán mời giảng, trợ giảng (tính theo tiết giảng thực tế đứng lớp và hệ số lớp đông, không tính các hệ số khác, không tính phụ cấp chấm bài), (*Khoản 1, Điều 11*) như sau:

Bậc đào tạo	**Đối tượng mời**	**Đơn giá cũ** (đ/tiết)	**Bổ sung điều chỉnh** (đ/tiết)
Đại học, Cao đẳng	GV chưa có trình độ Thạc sĩ GV có trình độ Thạc sĩ GV có trình độ Tiến sĩ, hoặc GV chính GV cao cấp, hoặc Giáo sư, hoặc Phó Giáo sư	--------- 100.000 120.000 150.000	80.000 Như cũ
	Hướng dẫn chuyên đề TN, đồ án TN Hướng dẫn đồ án học phần		100.000 75.000
Sau đại học	GV mời từ TP.HCM hoặc Hà Nội GV mời trong tỉnh KH hoặc các tỉnh, thành khác	180.000 150.000	Như cũ
Các học phần QP &AN	Cựu GV hoặc SQBP đã từng giảng dạy tại Trường, hoặc GV thuộc các cơ sở đào tạo khác	60.000	80.000
	Sĩ quan thuộc các đơn vị quân đội (không phải là giảng viên QPAN)		60.000
Trợ giảng	Chuyên viên khối hành chính, học viên Cao học Người của các doanh nghiệp, cơ sở khác		80% mức mời giảng tương ứng
	Sinh viên năm cuối		40.000

Trong đó, Hệ số lớp đông tương ứng:

Sĩ số (SV)	Đến 80	81-100	101-120	121-140	141-160	Trên 160
Hệ số	1,0	1,1	1,2	1,3	1,4	1,5

Mời hướng dẫn Luận văn Cao học, Luận án Tiến sĩ: thanh toán đồng mức theo đơn giá mời giảng trong tỉnh Khánh Hòa.

7. *Bổ sung* phụ cấp xăng xe cho 01 chuyên viên Phòng HTĐN đi làm việc với một số cơ sở trong tỉnh (cục Quản lý xuất nhập cảnh về việc visa, quản lý Lưu học sinh, bảo hiểm cho người nước ngoài, Sở Lao động thương binh và xã hội về quản lý người lao động nước ngoài, các phòng an ninh quản lý người nước ngoài): 200.000 đ/tháng. Tăng mức chi cho 01 kế toán viên của Phòng KH-TC đi liên hệ công việc tại ngân hàng, kho bạc 500.000 đ/tháng *(Khoản 5, Điều 12).*

8. *Điều chỉnh* tăng định mức tiền điện thoại bàn cho Trung tâm QHDN&HTSV lên 500.000đ/tháng *(Khoản 1, Điều 14).*

9. *Bổ sung* phụ cấp dự Hội nghị CBVC cấp Trường: 500.000 đ/người. Hội nghị CBVC cấp đơn vị 100.000 đ/người *(Điều 15).*

10. *Bổ sung* Định mức chi họp Ban Chế độ chi bằng định mức chi họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường: 300.000 đ/thành viên/cuộc họp *(Điều 16).*

11. Bổ sung chế độ đối với các thành viên Hội đồng trường *(Điều 16)*

- Phụ cấp hàng tháng cho các thành viên Hội đồng trường (trừ Chủ tịch Hội đồng trường và Thư ký Hội đồng trường): 1.000.000đ/tháng/thành viên.
- Phụ cấp cho các thành viên của các Ban chuyên môn (không phải là thành viên Hội đồng trường): chi theo công việc thực tế.

12. *Điều chỉnh* tăng phụ cấp cho Ban cán sự lớp *(Điều 18)*

- Lớp trưởng: Xếp loại A: 400.000đ/học kỳ; Xếp loại B: 300.000đ/học kỳ.
- Lớp phó: Xếp loại A: 300.000đ/học kỳ; Xếp loại B: 200.000đ/học kỳ

13. *Bổ sung* hỗ trợ viên chức được cử đi nghiên cứu sinh *(Điều 19)*

13.1. Hỗ trợ CBVC của Trường nghiên cứu sinh ở nước ngoài (bao gồm những nghiên cứu sinh đang học nước ngoài còn trong thời hạn cử đi học theo quy định): được hưởng 100% lương, trong đó 40% lương theo quy định của Nhà nước, Trường hỗ trợ thêm 60% lương hiện hưởng (không có phụ cấp ưu đãi và phụ cấp thâm niên), chi trả sau khi hoàn thành nghiên cứu sinh và về Trường làm việc ổn định sau 3 tháng

13.2. *Bổ sung* chế độ đối với CBVC của Trường nghiên cứu sinh ở trong nước

- Được sử dụng phòng thí nghiệm và các cơ sở vật chất của Trường trong phạm vi nghiên cứu của đề tài thực hiện Luận án tiến sĩ (kế hoạch và nội dung thí nghiệm phải được Ban Giám hiệu phê duyệt).
- Được hỗ trợ 4 lần đi đến cơ sở đào tạo theo chế độ công tác phí quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành (không quá 7 ngày/đợt).

14. Hỗ trợ đi học Cao học (Điều 19)

Đối với những ngành đặc thù, khó tuyển giảng viên có trình độ Thạc sĩ thì Trường hợp đồng với những người đủ sắp tiêu chuẩn làm giảng viên đang đi học Cao học đúng chuyên ngành Trường cần tuyển, có cam kết sẽ về Trường làm việc sau khi tốt nghiệp Cao học, được Trường hỗ trợ tương đương hệ số lương 85% x 2,34, thời gian hỗ trợ tối đa 24 tháng, không có phụ cấp tháng và phụ cấp tăng thêm, hưởng 30% phụ cấp Lễ, Tết.

15. *Điều chỉnh* tăng mức hỗ trợ hoạt động nhân các ngày lễ *(Điều 26)*:

- Tết Thiếu nhi 1/6: 100.000 đ/cháu dưới 16 tuổi là con của CBVC;
- Tết Trung thu: 100.000 đ/cháu dưới 16 tuổi là con của CBVC;
- Ngày Quốc tế phụ nữ 08/3: 200.000đ/VC&NLĐ nữ;
- Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10: 200.000đ/VC&NLĐ nữ;
- Thưởng các cháu vào dịp cuối năm học: học sinh giỏi 100.000 đ/cháu; con CBVC đỗ đại học, cao học, NCS 500.000/cháu.

16. *Điều chỉnh* kinh phí du lịch của CBVC: du lịch trong nước 1.500.000 đ/người/năm. Du lịch nước ngoài 13.000.000 đ/người/năm *(Khoản 8, Điều 28)*.

17. *Bổ sung* hệ số lớp đông (K1) để quy đổi giờ giảng dạy lý thuyết trên lớp *(Phụ lục I, mục I.A.1)*.

Số SV	Các HP khối cơ bản, khối Kinh tế, Du lịch, XHNV, GDQP	Các HP khối Kỹ thuật, công nghệ	Các HP Ngoại ngữ
≤40	0,00	0,00	0,00
41 - 50	0,00	0,05	0,15
51 - 60	0,05	0,10	0,20
61 - 70	0,10	0,15	0,25
71 - 80	0,15	0,20	0,30
81 - 90	0,20	0,25	
91 - 100	0,25	0,30	
101 - 110	0,30	0,35	
111 - 120	0,35	0,40	
121 - 130	0,40	0,45	
131 - 140	0,45	0,50	
>140	0,50		

18. *Điều chỉnh* hệ số xác định hệ số thời gian giảng dạy cho các lớp SĐH sửa lại: "Các lớp SĐH **chỉ** học thứ bảy và chủ nhật: K2 = 0,1 *(Phụ lục I, mục I.A.1)*.

19. *Bổ sung* chi vận hành chương trình đào tạo theo POHE, Song ngữ:

19.1. Bổ sung hệ số K_{CLC} vào công thức tính giờ giảng đối với giảng viên của Trường *(Phụ lục I, mục I.A.1)*:

$$T_{LT} = G * ((H_{TC} + K_1 + K_2 + K_3) + G_{TA}*0,6) * K_{CLC}$$

Trong đó K_{CLC} là hệ số giảng dạy các lớp học theo chương trình POHE, song ngữ.

K_{CLC} = 1,2 đối với các học phần thuộc khối kiến thức cơ bản

K_{CLC} = 2,0 đối với các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở, chuyên ngành

- Đối với mời giảng, trợ giảng: đơn giá mời giảng nhân hệ số K_{CLC} tương ứng.

Lưu ý: + Phải có danh mục cụ thể các học phần của từng khối kiến thức

+ Hệ số K_{CLC} không áp dụng cho các học phần QPAN, GD thể chất.

19.2. Thù lao cho phần chấm báo cáo thực tập nghề nghiệp và đánh giá hội đồng đối với luận văn của sinh viên được tính hệ số 2.0 như giảng dạy học phần chuyên ngành. *(Phụ lục I, mục I.C)*

19.3. Phụ cấp điều hành chương trình đào tạo POHE, Song ngữ *(Phụ lục II, mục II)*.

- Ban Quản lý chương trình và đội ngũ phụ vụ: 20.000.000 đồng/chương trình/năm

- Ban Chủ nhiệm chương trình: 40.000.000 đồng/chương trình/năm

20. *Điều chỉnh* hướng dẫn thực tập tổng hợp: bỏ công thức tính thực tập tại Trường. Tất cả chỉ tính theo 1 mức tính thực tập ngoài Trường *(Phụ lục I, mục I.A.5)*, cụ thể:

Khối Kỹ thuật, công nghệ: TTT = 4 + 0,3 * Số SV * Số tín chỉ

Các khối còn lại: TTT = 4 + 0,2 * Số SV * Số tín chỉ

(hướng dẫn đề cương 4 giờ/lớp, hướng dẫn SV 0,2 hoặc 0,3 giờ/SV/TC)

21. *Bổ sung* thêm các học phần có hình thức thi được tính tiền coi thi: "không tính tiền coi thi đối với các học phần thi theo hình thức vấn đáp, hoặc làm bài tiểu luận" *(Phụ lục II, mục I)*.

22. *Bổ sung* việc quy đổi giờ hoạt động chuyên môn đối với Bộ môn Giáo dục thể chất phải có kế hoạch được Giám hiệu phê duyệt " *(Phụ lục III, mục III)*.

23. *Bổ sung* vào Quy chế các văn bản đã được Hiệu trưởng phê duyệt

- Chế độ đối với GV và SV tham dự và đạt giải tại các cuộc thi (Hiệu trưởng duyệt ngày 20/6/2019).

- Quy định khuyến khích hoạt động hợp tác đối ngoại (ban hành Quyết định số 1564/QĐ-ĐHNT ngày 03/12/2019).

- Phụ lục về định mức thực hành thực tập.

-------- HẾT --------